

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 276/2024/DS-ST
Ngày: 04-12-2024
V/v “Tranh chấp dân sự - Hợp
đồng mua bán tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà **Võ Thị Kim Hoa**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Phạm Phước Tâm**
2. Ông **Nguyễn Anh Tuấn**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Huỳnh Trọng Nhân** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 04 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 545/2024/TLST-DS, ngày 07 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp dân sự - Hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 583/2024/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Đỗ Thị Mộng T** – Chủ hộ kinh doanh **Hoàng Quyên**

Địa chỉ: Khóm D, thị trấn M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Ông **Võ Văn L**, sinh năm 1969

Bà **Nguyễn Thị Ngọc M**, sinh năm 1968

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

(Tất cả đương sự đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện, lời khai tại tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn bà **Đỗ Thị Mộng T** – Chủ hộ kinh doanh **Hoàng Q** trình bày:*

Vào đầu năm 2022, ông **Võ Văn L** và bà **Nguyễn Thị Ngọc M** có mua nợ thức ăn thủy sản của hộ kinh doanh **H** do bà **Đỗ Thị Mộng T** là người đại diện. Tính đến ngày 01/01/2023, ông **L** và bà **M**, còn nợ số tiền 80.000.000 đồng. Bà

Mộng T - Chủ hộ kinh doanh Hoàng Quyên nhiều lần có đến yêu cầu gia đình ông L và bà M trả số tiền nói trên nhưng ông L và bà M không trả.

Bà Đỗ Thị Mộng T - Chủ hộ kinh doanh Hoàng Q yêu cầu: Buộc ông Võ Văn L và bà Nguyễn Thị Ngọc M liên đới trả số tiền là 80.000.000 đồng, yêu cầu trả tiền lãi 0,83% trên 1 tháng, tính từ ngày 01/01/2023 đến ngày 05/7/2024 là 18 tháng (1 tháng 664.000 đồng x 18 tháng = 11.952.000 đồng). Tổng số tiền là 91.952.000 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Tại phiên tòa bà T xác nhận bà M đã thanh toán được 10.000.000 đồng vào tháng 11/2023 thông qua nhân viên của bà T là chị B, hiện ông L, bà M còn nợ số tiền 70.000.000 đồng.

Bà Đỗ Thị Mộng T - Chủ hộ kinh doanh Hoàng Quyên xin thay đổi yêu cầu khởi kiện: yêu cầu ông Võ Văn L và bà Nguyễn Thị Ngọc M liên đới trả cho bà Đỗ Thị Mộng T - Chủ hộ kinh doanh Hoàng Q số tiền nợ là 70.000.000 đồng, tiền lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng, tính từ ngày 01/01/2023 đến ngày 04/12/2024 làm tròn 23 tháng với số tiền là 13.363.000 đồng, tính tròn là 10.000.000 đồng. Tổng số tiền ông L, bà M phải liên đới trả cho bà T là 80.000.000 đồng.

Theo lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc M trình bày:

Thừa nhận ông L, bà M có mua thức ăn nuôi cá của bà Đỗ Thị Mộng T - Chủ hộ kinh doanh Hoàng Q nhiều năm nay. Tính đến năm 2023 còn nợ bà T số tiền 50.000.000 đồng.

Đối với giấy xác nhận nợ ngày 01/01/2023 do bà T cung cấp thì bà M thừa nhận là ông L có ký tên. Nhưng khi ký tên thì giữa bà T với ông L chưa có đối chiếu sổ sách. Khi ký tên bà T kêu ký tên để báo về công ty để tiếp tục đầu tư nên ông L mới chịu ký tên. Tuy nhiên do ông L đã ký tên vào giấy xác nhận nợ số tiền 80.000.000 đồng nên bà M thống nhất số tiền này. Ngày 09/11/2023 bà M có trả được số tiền 10.000.000 đồng, hiện còn nợ lại 70.000.000 đồng.

Nay bà M đồng ý liên đới cùng ông L trả cho bà T - Chủ hộ kinh doanh Hoàng Q số tiền còn nợ là 70.000.000 đồng, không đồng ý trả tiền lãi theo yêu cầu của bà T.

Theo lời khai tại phiên tòa bị đơn ông Võ Văn L trình bày như sau:

Thừa nhận ông L, bà M có mua thức ăn nuôi cá của bà Đỗ Thị Mộng T - Chủ hộ kinh doanh Hoàng Q nhiều năm nay. Tính đến thời điểm chốt nợ năm 2023 thì ông L không xác định được còn nợ bà T số tiền là bao nhiêu do việc mua bán với bà T là do bà M thực hiện. Đối với giấy xác nhận nợ ngày 01/01/2023 do bà T cung cấp thì ông L thừa nhận ông có ký tên và ghi số tiền nợ 80.000.000

đồng. Nhưng khi ký tên thì ông L không biết số nợ là bao nhiêu thì bà T kêu ký tên để báo về Công ty nên ông L mới ký tên. Ông L thừa nhận khi ký tên thì bà T không có đe dọa hay ép buộc ông L.

Tại phiên tòa, ông L đồng ý liên đới cùng bà M trả cho bà T -Chủ hộ kinh doanh Hoàng Q số tiền còn nợ là 70.000.000 đồng, không đồng ý trả tiền lãi.

**** Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:***

Tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp:

- Giấy xác nhận nợ ngày 01/01/2023 (bản chính)
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (Bản sao)

Tài liệu chứng cứ do bị đơn cung cấp:

- Phiếu giao hàng “Nhà phân phối thức ăn thủy sản Hoàng Q” có nội dung “TC: 50.000.000 đồng”
- Phiếu giao hàng “Nhà phân phối thức ăn thủy sản H”, mặt sau có nội dung “Ngày 09/11/2023 Võ Thị B có nhận của cô M số tiền là 10.000.000đ”

Các tài liệu trong hồ sơ đã được công khai tại phiên họp công khai và tiếp cận chứng cứ ngày 12/11/2024. Tại phiên tòa bị đơn bổ sung chứng cứ là 02 phiếu giao hàng. Phía nguyên đơn bà T thống nhất tài liệu chứng cứ mà bị đơn giao nộp, không yêu cầu Tòa án tiến hành phiên họp công khai chứng cứ lại mà thống nhất đề nghị Tòa án tiếp tục xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, xét thấy: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị Mộng T (Chủ hộ kinh doanh Hoàng Q) về việc yêu cầu ông Võ Văn L và bà Nguyễn Thị Ngọc M có trách nhiệm liên đới trả số tiền mua bán còn nợ là 70.000.000 đồng và lãi chậm thực hiện nghĩa vụ nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là “Tranh chấp dân sự - Hợp đồng mua bán tài sản” theo quy định tại Điều 430 của Bộ luật Dân sự.

[2] Về thẩm quyền, xét thấy: Tranh chấp về hợp đồng dân sự mua bán tài sản giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn có địa chỉ tại xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp vụ án nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Theo đơn khởi kiện bà Đỗ Thị Mộng T – Chủ hộ kinh doanh Hoàng Q yêu cầu ông Võ Văn L và bà Nguyễn Thị Ngọc M liên đới trả tổng số tiền mua bán còn nợ là: 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng) và yêu cầu tính lãi suất chậm trả, tính từ ngày 01/01/2023 đến ngày 05/7/2024 là 18 tháng với lãi suất 0,83%/ tháng là 11.952.000 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi cho đến khi giải quyết xong vụ kiện. Tổng số tiền ông L, bà M phải trả cho bà Đỗ Thị Mộng T là: 91.952.000 đồng.

Tại phiên tòa tại phiên tòa nguyên đơn trình bày xin thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Bà Đỗ Thị Mộng T – Chủ hộ kinh doanh Hoàng Q yêu cầu ông Võ Văn L và bà Nguyễn Thị Ngọc M liên đới trả tổng số tiền mua bán còn nợ là: 70.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng) và yêu cầu tính lãi với số tiền làm tròn là 10.000.000 đồng, tổng số tiền là 80.000.000 đồng.

Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với pháp luật nên chấp nhận.

[4] Về nội dung:

[4.1] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà Đỗ Thị Mộng T – Chủ hộ kinh doanh Hoàng Q yêu cầu ông Võ Văn L và bà Nguyễn Thị Ngọc M liên đới trả tiền mua bán còn nợ là: 70.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Vào năm 2022 ông L và bà M có mua của bà T – Chủ hộ kinh doanh Hoàng Q thức ăn chăn nuôi thủy sản (nuôi cá) số tiền là 80.000.000 đồng, hai bên có làm biên nhận chốt nợ ông L có ký tên vào biên nhận, đã thanh toán được 10.000.000 đồng. Hiện nay vẫn còn nợ số tiền 70.000.000 đồng. Sau khi chốt nợ thì ông L và bà M đã không thực hiện đúng việc trả nợ như hai bên đã thỏa thuận và bà T đã nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng ông L và bà M không vẫn không trả.

Đồng thời, tại phiên tòa ông L và bà M thừa nhận năm 2022 vợ chồng ông có mua thức ăn chăn nuôi cá tại cửa hàng của bà T, hiện còn nợ số tiền 70.000.000 đồng. Do đó, xác định việc các bên có xác lập hợp đồng mua bán là có thật. Tuy nhiên do khó khăn về kinh tế nên ông L và bà M còn nợ bà T số tiền nêu trên. Tại phiên tòa, ông L và bà M đồng ý liên đới trả cho bà T số tiền 70.000.000 đồng của bà T nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Do đó, việc bà Đỗ Thị Mộng T khởi kiện yêu cầu ông L và bà M có nghĩa vụ liên đới trả cho bà T số tiền tiền còn nợ là 70.000.000 đồng là có căn cứ nên chấp nhận.

[4.2] Đối với yêu cầu của bà T về việc yêu cầu ông L và bà M trả số tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất 0,83%/tháng, tính từ ngày 01/01/2023 đến ngày 04/12/2024 làm tròn 23 tháng với số tiền là 13.363.000 đồng, tính tròn là 10.000.000 đồng

Hội đồng xét xử xét thấy: Theo thỏa thuận mua bán giữa bà T, ông L, bà M không có thỏa thuận về lãi suất cũng như không có thỏa thuận về thời hạn thanh toán. Như vậy, bên chậm thực hiện nghĩa vụ phải chịu lãi chậm thực hiện nghĩa vụ kể từ ngày phát sinh tranh chấp (ngày nộp đơn khởi kiện). Nguyên đơn yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng, tính từ ngày 01/01/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 04/12/2024) với số tiền làm tròn là 10.000.000 đồng là không phù hợp. Do đó, căn cứ Điều 468 của Bộ luật dân sự, Hội đồng xét xử xác định nghĩa vụ chịu lãi chậm thực hiện nghĩa vụ của ông L, bà M với mức lãi suất 0,83%/tháng từ ngày nộp đơn khởi kiện (ngày 09/7/2024), cụ thể: $0,83\%/tháng \times 04 \text{ tháng} \times 70.000.000 \text{ đồng} = 2.808.200 \text{ đồng}$.

[5.3] Về nghĩa vụ liên đới: Bà Đỗ Thị Mộng T khởi kiện yêu ông L và bà M liên đới trả số tiền nợ và lãi chậm trả. Hội đồng xét xử xét thấy: Ông L và bà M cùng thực hiện hợp đồng mua bán với bà T, mặc dù chỉ có ông L ký tên vào giấy xác nhận nợ ngày 01/01/2023, tuy nhiên tại phiên tòa ông L và bà M thừa nhận cùng thực hiện việc mua bán với bà T và đồng ý liên đới trả nợ cho bà T. Do đó, ông L và bà M phải liên đới trả số tiền mua bán còn nợ cho nguyên đơn bà T là phù hợp theo quy định tại Điều 27, Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T. Ông L và bà M có trách nhiệm liên đới trả cho bà T – Chủ hộ kinh doanh Hoàng Q số tiền còn nợ là 70.000.000 đồng, tiền lãi là 2.808.200 đồng, tổng số tiền là 72.808.200 đồng.

[5] Về án phí:

Do chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn nên nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm được xác định như sau:

Ông Võ Văn L và bà Nguyễn Thị Ngọc M phải liên đới chịu án phí sơ thẩm số tiền: $72.808.200 \text{ đồng} \times 5\% = 3.640.400 \text{ đồng}$. Tuy nhiên do ông L, bà M là thân nhân liệt sĩ và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Đỗ Thị Mộng T – Chủ hộ kinh doanh Hoàng Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu không được chấp nhận với số tiền là $(80.000.000 \text{ đồng} - 72.808.200 \text{ đồng}) \times 5\% = 359.500 \text{ đồng}$ và khấu trừ vào tiền tạm ứng đã nộp là 2.299.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009167 ngày 04/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh. Số tiền còn lại bà T được nhận là 1.939.500 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

Các Điều 357, 468, 430 của Bộ luật dân sự;

Điều 27, 37 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 92, Điều 147, 244 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Mộng T – Chủ hộ kinh doanh Hoàng Q.

Buộc ông Võ Văn L và bà Nguyễn Thị Ngọc M có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Đỗ Thị Mộng T – Chủ hộ kinh doanh Hoàng Q số tiền 72.808.200 đồng (Bảy mươi hai triệu tám trăm lẻ tám nghìn hai trăm đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí:

Ông Võ Văn L và bà Nguyễn Thị Ngọc M được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm do thuộc trường hợp thân nhân liệt sĩ và có đơn xin miễn án phí.

- Bà Đỗ Thị Mộng T – Chủ hộ kinh doanh Hoàng Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 359.500 đồng và được khấu trừ vào tiền tạm ứng đã nộp là 2.299.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009167 ngày 04/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh. Số tiền còn lại bà T được nhận là 1.939.500 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

- VKS HCL;
- Toà án Tỉnh;
- CC THADS HCL;
- Lưu.

Đã ký

Võ Thị Kim Hoa